

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/11/2023

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Tử Diệc

2. Ông Trần Văn Thanh

Thư kY phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư kY Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 442/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: “*Ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Mai Như Y**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: số 33/3C, Ấp T, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh S**, sinh năm 1964 (mất tích)

Địa chỉ : Ấp Long T, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Mai Như Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 chị và anh S có quen biết nhau và có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2009, ông S bỏ đi một thời gian, sau đó anh S có về một lần đến năm 2010 ông bỏ đi biệt tích không liên lạc được, lý do ly hôn do ông S không quan tâm cho chị, cự cãi nhau và ông bỏ đi quá lâu không còn liên lạc, Ngày 21/3/2023 chị Y có yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Minh S mất tích và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của chị tuyên bố ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1964, địa chỉ cuối cùng: ấp T, xã P, huyện

Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long mất tích. Nay chị Y nhận thấy không còn tình cảm, nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Ngọc T, sinh ngày 16/5/2007, hiện nay do chị Y nuôi dưỡng, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Y kiến nguyện vọng của cháu Mai Ngọc T: Cha mẹ ly hôn con muốn sống với mẹ là Mai Như Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Mai Như Y yêu cầu ly hôn với người mất tích ông Nguyễn Minh S, nơi cư trú cuối cùng của anh S ở T, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử ly hôn với người mất tích được quy định tại Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Như Y và ông Nguyễn Minh S có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn giữa bà Mai Như Y và ông Nguyễn Minh S. Vì vậy xác định chị Y và ông S chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là đúng.

[2.2] Năm 2005 chị Y và ông S chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Ông Nguyễn Minh S đã được tuyên bố mất tích,

Xét mâu thuẫn do anh S đã bỏ đi đã lâu, Tòa án đã tuyên bố anh Nguyễn Minh S mất tích. Vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Mai Như Y và ông Nguyễn Minh S là vợ chồng.

[2.3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Mai Ngọc T, sinh ngày 16/5/2007 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, theo nguyện vọng của cháu Mai Ngọc T cha mẹ ly hôn muốn ở với mẹ và hiện nay cháu Ngọc T do chị Mai Như Y chăm sóc nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử giao cháu Mai Ngọc T cho chị Mai Như Y chăm sóc nuôi dưỡng được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Như Y không yêu cầu ông S cấp dưỡng

nuôi con, nên không đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Minh S có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Như Y không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 389 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Như Y.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Mai Như Y và ông Nguyễn Minh S là vợ chồng.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Mai Ngọc T, sinh ngày 16/5/2007 cho chị Mai Như Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Minh S có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung không ai được quyền cản trở ông S thực hiện quyền này.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Như Y không yêu cầu ông Nguyễn Minh S cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4/ Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Mai Như Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000029 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị Y đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp